

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HS-ST

Ngày: 26 – 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 612/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/HSST-QĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thanh H**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1987, tại An Giang. Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, Khóm 8, phường A, thành phố Đ, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Không có nơi ở nhất định; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Dương Kim L, sinh năm 1963; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ vào ngày 08/6/2021, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 807 ngày 16/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hoà (Bị cáo vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1980, tại Khánh Hoà. Hộ khẩu thường trú: Xã Đ, huyện K, tỉnh Khánh Hoà; nơi cư trú: Không có nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1950, con bà Trần Thị P, sinh năm 1954. Bị cáo có vợ là Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992, có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án:

- Ngày 22/3/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm 06 tháng tù về các tội cướp tài sản của công dân, cướp giật tài sản của công dân theo Bản án số 85/HSST ngày 22/3/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 29/9/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản của công dân theo Bản án số 411/2005/HSST ngày 29/9/2005.

- Ngày 12/6/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 331/2012/HS-ST ngày 12/6/2012.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ vào ngày 08/6/2021, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 806 ngày 16/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (Bị cáo vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị hại: Anh Đặng Văn L, sinh năm 2003.

Địa chỉ: 48/62, tổ 19, khu phố 6, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thanh H và Nguyễn Văn T là những đối tượng không có nghề nghiệp và nghiện ma túy. Để có tiền tiêu xài H rủ T đi trộm cắp tài sản, khoảng 02 giờ 30 phút ngày 08/6/2021, T điều khiển xe mô tô biển số 60AA-044.90 chở H đi tìm xem ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp, khi cả hai đi đến khu nhà trọ số 48/62, tổ 19, khu phố 6, phường B, thành phố H thì T dừng xe ở bên ngoài đứng canh giới, còn H đi bộ vào khu nhà trọ thì nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Novo, biển số 60P7-8856 của anh Đặng Văn L, sinh năm 2003 đang dựng ngay lối đi của dãy phòng trọ nên H đã lén dắt xe ra ngoài rồi ngồi lên xe để T điều khiển xe dùng chân đẩy xe H đi tìm nơi tiêu thụ tài sản. Khi cả hai đi đến trước quán cà phê Hồng Lĩnh (thuộc khu phố 6, phường Long Bình) thì gặp tổ tuần tra Công an phường Long Bình phát hiện bắt giữ H và T cùng tang vật đưa về Công an phường Long Bình lập hồ sơ chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý. Tại Cơ quan điều tra H và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Novo, biển số 60P7-8856 là tài sản của anh Đặng Văn L, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã trả lại cho anh Lộc.

- 01 xe mô tô biển số 60AA-044.90, số máy 5SC004795, số khung 1004795 là phương tiện T dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Tuần khai mượn của một người bạn tên H (không rõ họ tên, địa chỉ), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà chưa làm việc được với H nên tách ra xác minh để xử lý sau.

- 01 đoạn thanh kim loại đầu đẹp dài 08 cm và 01 (một) chìa khoá 8 bằng kim loại dài 12 cm là công cụ, phương tiện bị cáo Tuấn, Hùng để dùng vào việc phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 275/KL-HĐĐGTS ngày 10/6/2021 của hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Novo, biển số 60P7-8856 có giá trị tài sản là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Tại Bản cáo trạng số 616/CT-VKSBH 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Lê Thanh H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Thanh H: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xác định bị cáo Nguyễn Văn T đã được xóa án tích đối với bản án số 33/HSST ngày 02/8/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, bản án số 264/HSST ngày 27/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tuấn.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh H với mức án từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 60AA-044.90 là phương tiện Tuấn dùng để thực hiện hành vi phạm tội. T khai mượn của một người bạn tên H (không rõ họ tên, địa chỉ), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà chưa làm việc được với Hùng nên tách ra xác minh để xử lý sau.

- Đề nghị tịch thu tiêu huỷ 01 đoạn thanh kim loại đầu đẹp dài 08 cm và 01 (một) chìa khoá 8 bằng kim loại dài 12 cm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Đặng Văn L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt đã được Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa xác nhận. Nội dung đơn còn thể hiện các bị cáo đồng ý với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đối với sự vắng mặt của các bị cáo, bị hại: Các bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do tình hình dịch Covid và được nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa xác nhận; bị hại anh Đặng Văn Lộc đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290, Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo và bị hại.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo và không ai có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận định giá, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định: Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại nhà trọ số 48/62, tổ 19, khu phố 6, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Lê Thanh H, Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Novo, biển số 60P7-8856 của anh Đặng Văn L có giá trị tài sản 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) thì bị phát hiện xử lý.

Bị cáo Nguyễn Văn T từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm 06 tháng tù về các tội cướp tài sản của công dân, cướp giật tài sản của công dân theo Bản án số 85/HSST ngày 22/3/1999; bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản của công dân theo Bản án số 411/2005/HSST ngày 29/9/2005; bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 331/2012/HS-ST ngày 12/6/2012. Bị cáo T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong khi chưa được xóa án tích đối với các bản án này. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo T đã phạm vào tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”.

Xét thấy, hành vi của bị cáo Lê Thanh H như đã nêu trên, đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ những căn cứ trên, xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Vụ án có yếu tố đồng phạm nhưng không mang tính tổ chức, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể. Bị cáo H là người rủ rê bị cáo T trộm cắp tài sản và là người trực tiếp lấy tài sản. Bị cáo T giữ vai trò cảnh giới. Do đó, xác định bị cáo H là người giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo T là đồng phạm và giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo có xem xét đến vai trò, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

[5] Về nhân thân, tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Bị cáo H có nhân thân tốt. Bị cáo Tuấn có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 264/HSST ngày 27/4/2016 (đã xoá án tích). Ngoài ra, bị cáo T còn có 03 tiền án chưa được xoá án tích như đã nêu trên. Việc bị cáo T tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong khi chưa được xoá án tích đối với các lần bị kết án, thể hiện bị cáo sống không có ý thức chấp hành pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của công dân là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Do vậy, cần xử các bị cáo một mức án thật nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Hùng được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có không có thu nhập ổn định, nên không có điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Novo, biển số 60P7-8856 là tài sản của anh Đặng Văn L, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã trả lại cho anh L là đúng quy định pháp luật.

- 01 xe mô tô biển số 60AA-044.90, số máy 5SC004795, số khung 1004795 là phương tiện Tn dùng để thực hiện hành vi phạm tội. T khai mượn của một người bạn tên H (không rõ họ tên, địa chỉ), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà chưa làm việc được với Hùng nên tách ra xác minh để xử lý sau.

- 01 đoạn thanh kim loại đầu đẹp dài 08 cm và 01 (một) chìa khoá 8 bằng kim loại dài 12 cm là công cụ, phương tiện các bị cáo để dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Đặng Văn L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa, phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh H 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2021.

2. Căn cứ vào điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2021.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 đoạn thanh kim loại đầu đẹp dài 08 cm và 01 (một) chìa khoá 8 bằng kim loại dài 12 cm là công cụ dùng vào việc phạm tội theo Biên bản Giao nhận vật chứng ngày 13/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc các bị cáo Lê Thanh H, Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (03);
- VKSND Tp.Biên Hòa (01);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (01);
- Công an Tp.Biên Hòa (01);
- Cơ quan Thi hành án (01);
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (01);
- Lưu VP-HS (08).

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trần Trúc Thủy